

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Biển báo địa danh trên các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ qua huyện Triệu Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý dự chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình xây dựng, lắp đặt các biển báo địa danh trên địa bàn huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Xây dựng, lắp đặt các biển báo địa danh trên địa bàn huyện Triệu Sơn.

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Tên chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn.

5. Giải pháp thiết kế:

5.1. Biển báo số 1 (số lượng 05 biển):

Kích thước biển 2,5x4,0m, khung biển bằng thép hộp 20x40x1,2mm, viền khung bằng sắt ống D80x3,2mm. Cột biển cao 6,1m bằng sắt ống D100x3,6mm, D80x3,2mm và D40x2,9mm. Thanh đỡ biển bằng sắt ống D80x3,2mm được liên kết với cột và biển bằng bu lông. Toàn bộ biển, đỡ biển và cột được sơn tĩnh điện màu trắng. Chữ được cắt bằng tôn dày 3mm, liên kết hàn với khung biển và được dán giấy phản quang.

Móng biển báo bằng BTCT đá 1x2 M200 kích thước 1,2x1,2m, dưới lót bê tông đá 4x6 M100 dày 10cm, móng cao trung bình 2,0m (tính từ chân cột đến đáy móng). Cột biển liên kết với móng bằng 8 bu lông neo M22x860mm và bản mã dày 10mm.

5.2. Biển báo số 2 (số lượng 04 biển):

Kích thước biển 1,5x2,4m bằng tôn dày 3mm, khung biển bằng thép hộp 20x40x1,2mm. Cột biển cao 3,7m bằng sắt ống D80x3,2mm. Khung và cột biển liên kết bằng phương pháp hàn. Mặt biển dán giấy phản quang màu xanh và chữ dán giấy phản quang màu trắng. Cột dán giấy phản quang màu đỏ trắng.

Móng biển báo bằng BTXM đá 1x2 M200 kích thước 0,4x0,4m, dưới lót bê tông đá 4x6 M100 dày 10cm, móng cao trung bình 1,6m (tính từ chân cột đến đáy móng). Cột biển liên kết với móng bằng 4 bu lông M16 và bản mã dày 10mm.

6. Giá trị dự toán và nguồn vốn:

6.1. Giá trị dự toán: 557.967.000 đ.

(Năm trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	498.586.000 đ
- Chi phí QLDA	13.308.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	42.893.000 đ
- Chi phí khác	3.180.000 đ

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

6.2. Nguồn vốn: Ngân sách huyện.

7. Hình thức quản lý dự án: Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn.

8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020.

Điều 2. Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc kho bạc huyện; Giám đốc Ban QLDA

ĐTXD huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

DỰ TOÁN**CÔNG TRÌNH: XÂY DỰNG, LẮP ĐẶT CÁC BIÊN BẢO ĐỊA DANH TRÊN ĐỊA
BẢN HUYỆN TRIỆU SƠN***Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế
I	Chi phí xây dựng	453.260.000	45.326.000	498.586.000
II	Chi phí quản lý dự án	13.307.714		13.307.714
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	38.993.958	3.899.396	42.893.354
1	Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	24.476.040	2.447.604	26.923.644
2	Giám sát thi công xây dựng	14.517.918	1.451.792	15.969.710
IV	Chi phí khác	3.180.415		3.180.415
1	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	3.180.415		3.180.415
	Tổng cộng	508.742.086	49.225.396	557.967.482
	Làm tròn			557.967.000

Bảng chữ: Năm trăm năm mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng ./.